TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2018
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC G

- Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cương.

2. Bà Triệu Thị Lại.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Hồng Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27-11-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2018/TLST-HNGĐ ngày 05-9-2018 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17-10-2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có mặt).

+ Bị đơn: Chị Hà Thị G, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản ĐA, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Bắc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bầy:

Anh và chị Hà Thị G có được tự nguyện tìm hiểu một thời gian trước khi tiến tới hôn nhân. Vợ chồng chị có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc và sinh được một người con trai. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến khoảng năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh phải đi làm ăn xa, một mình chị G ở nhà nuôi con nhưng thường xuyên cãi chửi nhau với bố mẹ chồng, anh có góp ý nhiều lần nhưng chị G không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến

năm 2008 thì vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng anh đã không còn, đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Hà Thị G, về nuôi con chung, tài sản, công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng chị G không có ý kiến lưu trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa chị G vắng mặt không có lí do.

Tại biên bản xác minh ngày 15-10-2018, ông Nguyễn Văn Hanh, trưởng bản ĐA, xã ĐT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G cung cấp: Vợ chồng anh T, chị G trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau và vợ chồng anh T, chị G sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết cho anh T, chị G ly hôn vì thực tế quan hệ hôn nhân không còn tồn tại.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27-9-2018 và ngày 16-10-2018; phiên tòa ngày 05-11-2018 và ngày 27-11-2018 không có lí do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh T, chị G chung sống với nhau từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình xử cho anh T được ly hôn chị G. Về nuôi con, tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh T còn phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T xin ly hôn chị G, chị G có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại bản ĐA, xã ĐT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G nên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế đã tiến hành thụ lý, giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chị Hà Thị G đã được tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt không có lí do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27-9-2018 và ngày 16-10-2018; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 05-11-2018 và ngày 27-11-2018. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Hà Thị G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị G được tự do tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh T, chị G không hợp tính tình, mâu thuẫn giữa con dâu và bố mẹ chồng dẫn đến việc vợ chồng anh T, chị G thường xuyên cãi chửi nhau và mỗi người đi làm ăn một nơi không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh T, chị G đã sống ly thân từ năm 2008, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T xin ly hôn chị G là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, do đó cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chi phí thông báo tìm kiếm chị G trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hà Thị G.

3. Về tiền án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tại biên lai số: AA/2016/0002012, ngày 05-9-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc G. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí. Anh T tự nguyện chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền nhắn tin cho chị Hà Thị G trên phương tiện thông tin đại chúng. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền chi phí nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc G;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã MH, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Trang